TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 858/2023/QĐST-HNGĐ	*Tân Bình, ngày 12 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trương Ngọc Tâm

Thư ký phiên họp: Bà Dương Thị Ngọc Lữ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Bình tham gia phiên họp: Bà Phạm Thị Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 684/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2023 về việc "Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 13/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/Ông Lê Trực T, sinh năm 1988 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: đường H, Phường C, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/Bà Trần Huyền T1, sinh năm 1990 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Ông Lê Trực T và bà Trần Huyền T1 tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, chung sống với nhau từ năm 2019, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường C, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 37/2019 ngày 19/4/2019. Trước khi hai bên kết hôn, bà Trần Huyền T1 có nộp hồ sơ xin ly hôn với chồng trước là ông Phan Hữu Q và nghĩ là đã được giải quyết xong nên mới đăng ký kết hôn với ông Lê Trực T. Cuối năm 2020, ông bà được biết quan hệ hôn nhân giữa bà T1 với ông Q chưa chấm dứt nên việc kết hôn giữa ông T và bà T1 là trái quy định của pháp luật do vi phạm điều cấm. Bà T1 sau đó đã ly hôn ông Phan Hữu Q tại Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo bản án số 09/2023/HNGĐ-ST ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp (án có hiệu lực pháp luật). Hiện nay, ông bà có 1 con chung là Lê Trần Phương T2, sinh ngày 12/4/2020 và ông bà vẫn đang chung

sống hạnh phúc với nhau. Ông T và bà T1 có đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật để ông bà đăng ký kết hôn lại. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết, ông bà yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân vì hai bên đã đủ điều kiện kết hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ông Lê Trực T và bà Trần Huyền T1 có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận Tân Bình tuyên huỷ kết hôn trái pháp luật. Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý việc dân sự yêu cầu về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết và tại phiên họp các đương sự đã thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân vì cả hai bên đã có đủ các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do vậy, yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 29, Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của ông Lê Trực T và bà Trần Huyền T1:

- Về nội dung vụ việc: Ngày 19/4/2019, ông Lê Trực T và bà Trần Huyền T1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 37/2019. Do sau khi biết việc đăng ký kết hôn khi chưa đủ điều kiện kết hôn là vi phạm điều cấm của luật nên ông T bà T1 đã yêu cầu Tòa án giải quyết hủy kết hôn trái pháp luật để hai người đăng ký kết hôn lại. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự cho thấy việc đăng ký kết hôn của ông Lê Trực T và bà Trần Huyền T1 đã vi phạm quy định về điều kiện đăng ký kết hôn tại điểm d khoản 1 Điều 8 Luật hôn nhân gia đình. Tuy nhiên tại thời điểm xem xét giải quyết yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật thì bà Trần Huyền T1 đã ly hôn với ông Phan Hữu Q theo bản án số 09/2023/HNGĐ-ST ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp (án có hiệu lực pháp luật) bà T1 đã có đủ các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân gia đình. Tại phiên họp ông T và bà T1 đều yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân, xét thấy hai bên đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tại Điều 4 xử lý yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, do vậy ông T bà T1 yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân là có cơ sở chấp nhận.

[3] - *Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, người yêu cầu và các đương sự khác kể từ khi thụ lý cho đến tại phiên họp đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ việc: Qua các tài kiệu chứng cứ có trong hồ sơ cùng lời khai của các đương sự đều thống nhất ngày 19/4/2019, ông Lê Trực T và bà Trần Huyền T1 tiến hành đăng ký kết hôn trong khi bà T1 chưa ly hôn với ông Phan Hữu Q là vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình. Tại phiên họp các đương sự thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân và xét ông T bà T1 đã đủ điều kiện kết hôn. Do vậy, theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình chấp nhận yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Trực T và bà Trần Huyền T1.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Lê Trực T và bà Trần Huyền T1 phải chịu 300.000 đồng lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 29, Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, khoản 2 Điều 146, Điều 149, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 8, 10, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Lê Trực T và bà Trần Huyền T1 về việc công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Trực T và bà Trần Huyền T1 theo giấy chứng nhận kết hôn số 37/2019 do Ủy ban nhân dân Phường C, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/4/2019.

2. Về hậu quả pháp lý của việc công nhận quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Trực T và bà Trần Huyền T1 được công nhận kể từ thời điểm Bản án số 09/2023/HNGĐ-ST ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp có hiệu lực pháp luật.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: ông Lê Trực T và bà Trần Huyền T1 phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông bà đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023459 ngày 11/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- UBND Phường C, quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trương Ngọc Tâm